

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm ngay từ khi mở cửa phiên sáng và chỉ chững lại khi gặp ngưỡng hỗ trợ 1,750 điểm. Lực bắt đáy tại đây đã giúp chỉ số thu hẹp đà giảm phần nào và đóng cửa tại mốc 1,754.82 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng cá nhân & gia dụng, Công nghệ thông tin tăng mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp và Bảo hiểm dẫn đầu đà giảm. Các ngành còn lại không có biến động lớn. Trong những phiên giao dịch cuối cùng trước kỳ nghỉ lễ, giao dịch có thể sẽ kém sôi động; nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả hợp đồng tương lai đều tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411G9000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/02/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.67** điểm, đóng cửa tại **1754.82** điểm. HNX-Index **-0.27** điểm, đóng cửa tại **256.01** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.15)**, **FPT (+0.51)**, **MBB (+0.43)**, **GAS (+0.36)**, **HDB (+0.32)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.12)**, **BID (-1.18)**, **GEE (-0.63)**, **CTG (-0.49)**, **STB (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,171** tỷ đồng, giảm **-52.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,062 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.86 điểm. Thị trường có **151** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **175** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-252.54** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-166.33 tỷ)**, **VIC (-125.26 tỷ)**, **HPG (-114.70 tỷ)**, **VHM (-102.31 tỷ)**, **VPB (-74.17 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.30** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.42%**. Các mã diễn biến tích cực:
KDH (+4.53%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+3.38%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGC (+2.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.08%**. Các mã diễn biến tích cực:
DXG (+4.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
DPG (+4.05%) [\(Link báo cáo\)](#)
PNJ (+3.67%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.42%	0.08%	-0.04%	0.21%
1 tuần	-3.01%	-2.44%	-2.86%	-2.82%
1 tháng	3.28%	2.64%	-6.05%	-5.73%
3 tháng	11.06%	2.83%	10.12%	6.93%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,754.82	256.01	126.42
% 1D	-0.04%	-0.11%	0.73%
GTKL (tỷ VND)	15,171	951	332
%1D	-52.84%	-61.53%	-78.11%
GDNN (tỷ VND)	-252.54	5.30	15.45

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	198.69	VCB	-166.33
DCM	114.22	VIC	-125.26
GEL	76.77	HPG	-114.70
DPM	71.92	VHM	-102.31
KDH	66.96	VPB	-74.17

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

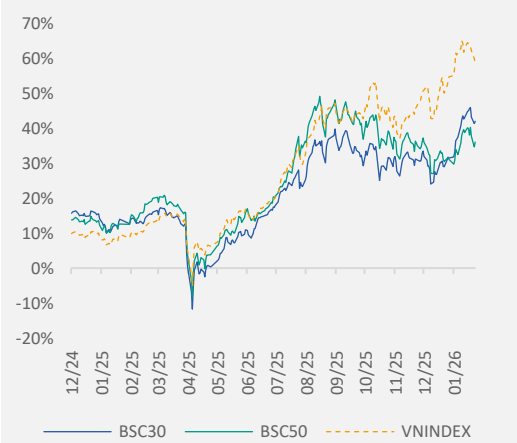
		%D	%W
SPX	6,932	1.97%	-0.10%
FTSE100	10,398	0.28%	0.55%
Eurostoxx	6,013	0.53%	0.42%
Shanghai	4,123	1.41%	2.67%
Nikkei	56,364	3.89%	7.22%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.67	-0.56%
Giá vàng	5,025	1.50%
Tỷ giá		
USD/VND	26,140	
EUR/VND	31,482	0.41%
JPY/VND	169	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	
LS LNH 1M	8.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	132.30	0.99%	2.15	7.73
FPT	99.00	1.43%	0.51	1.70
MBB	27.60	0.91%	0.43	8.05
GAS	115.70	0.61%	0.36	2.41
HDB	26.80	1.13%	0.32	5.01

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	174.10	2.84%	0.56	0.20
KSF	82.20	1.23%	0.51	0.90
PVS	45.90	3.38%	0.45	0.51
PMC	144.50	9.64%	0.07	0.01
NTP	63.40	1.12%	0.07	0.17

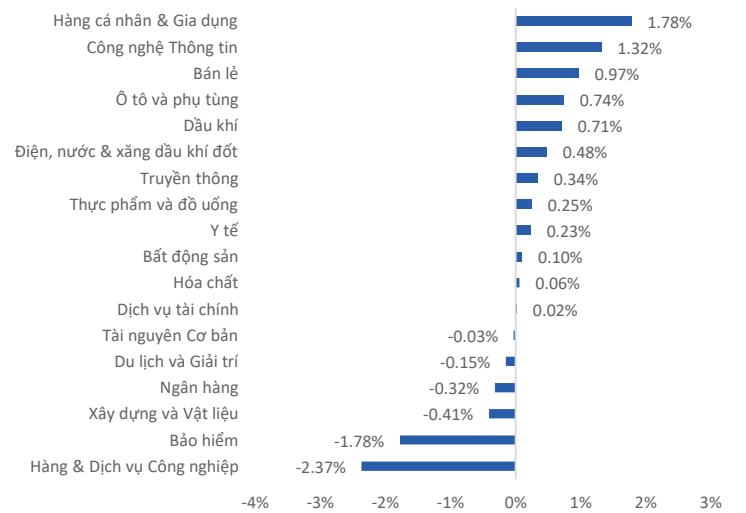
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CLW	42.80	7.00%	0.01	0.00
VRC	13.75	5.77%	0.01	0.00
PTB	53.90	5.48%	0.05	0.57
DXG	15.00	4.90%	0.17	11.55
HAP	7.95	4.88%	0.01	0.19

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNC	57.40	9.96%	0.22	0.00
VMS	55.20	9.96%	0.19	0.00
MAS	37.60	9.94%	0.06	0.00
NFC	67.00	9.84%	0.40	0.00
SSM	5.60	9.80%	0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	95.00	-2.56%	-2.12	4.11
BID	50.60	-1.56%	-1.18	7.02
GEE	156.40	-5.21%	-0.63	0.37
CTG	37.10	-0.80%	-0.49	7.77
STB	60.30	-1.95%	-0.47	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	46.00	-4.76%	-0.47	0.38
NVB	11.70	-1.68%	-0.21	1.92
BAB	11.80	-2.48%	-0.17	1.00
SHS	17.70	-1.12%	-0.10	0.90
VIF	15.80	-1.25%	-0.04	0.35

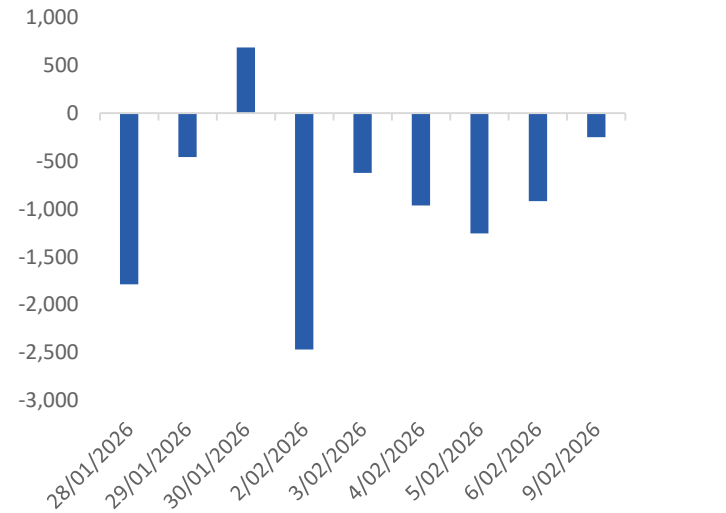
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCR	3.03	-6.77%	0.00	0.02
SC5	14.55	-6.73%	0.00	0.03
CLC	54.80	-6.48%	-0.02	0.00
LM8	12.35	-6.44%	0.00	0.00
NHT	10.30	-6.36%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ONE	9.40	-9.62%	-0.03	0.13
GMX	15.20	-9.52%	-0.05	0.00
AMC	12.50	-9.42%	-0.02	0.00
KDM	30.00	-6.25%	-0.05	0.07
TFC	44.00	-5.17%	-0.15	0.03

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	89.3	1.0%	1.1	131,130	666.6	4,777	18.7	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	34.5	0.9%	1.4	32,491	138.5	2,500	13.8	46,000	11.2%	Link
KDH	Bất động sản	26.6	4.5%	1.1	29,795	182.1	943	28.2	39,900	27.1%	Link
PDR	Bất động sản	17.3	1.8%	1.7	17,262	66.7	531	32.6	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	95.0	-2.6%	1.1	390,204	425.0	10,008	9.5	119,600	8.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.0	1.4%	0.7	168,647	652.0	5,511	18.0	118,700	40.0%	Link
BSR	Dầu khí	24.7	0.4%	0.0	123,430	258.4	1,036		23,200	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	45.9	3.4%	1.6	23,474	233.3	3,560	12.9	42,800	15.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	1.8%	1.4	24,731	108.1	1,454	15.8		33.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	29.6	-1.0%	1.4	73,736	438.4	2,029	14.6		32.6%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	34.5	0.6%	1.2	29,286	167.0	1,849	18.6		17.3%	Link
DCM	Hóa chất	39.9	2.8%	1.2	21,123	262.7	3,618	11.0	47,300	3.9%	Link
DGC	Hóa chất	67.2	2.9%	1.0	25,521	165.9	7,965	8.4	109,300	5.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.0	-0.2%	0.9	117,886	316.9	3,042	7.5	28,400	27.9%	Link
CTG	Ngân hàng	37.1	-0.8%	1.2	288,154	370.3	4,454	8.3	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	26.8	1.1%	1.2	134,141	440.3	3,432	7.8	34,400	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	27.6	0.9%	1.1	222,318	707.6	3,325	8.3	29,300	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	11.9	-1.3%	0.9	36,972	972.5	1,804	6.6	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	60.3	-2.0%	0.9	113,679	622.1	3,150	19.1		14.4%	Link
TCB	Ngân hàng	34.8	0.4%	1.1	246,247	312.4	3,577	9.7	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.8	0.0%	1.2	46,604	99.4	2,660	6.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	65.0	-0.2%	1.0	543,119	476.8	4,210	15.4	73,200	21.1%	Link
VIB	Ngân hàng	16.7	0.0%	0.9	56,847	82.9	2,143	7.8	23,000	4.8%	Link
VPB	Ngân hàng	26.8	-0.2%	1.3	212,232	302.0	3,024	8.9	36,500	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-0.2%	1.2	205,319	836.8	2,013	13.3	33,170	20.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	-0.6%	1.4	9,625	59.1	1,012	15.3	19,800	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.8	-1.5%	1.0	10,295	174.9	3,915	6.8	28,800	2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.2	0.0%	1.3	113,071	288.6	2,710	28.9	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	69.6	0.7%	0.5	145,461	180.5	4,503	15.5	64,500	50.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	52.2	-2.43%	1.2	11,545	89.9	2,494	20.9	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	164.0	2.24%	0.7	27,929	36.5	4,667	35.1	32.4%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	76.5	-1.92%	1.1	56,788	40.7	3,996	19.1	27.0%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	15.5	1.31%	1.4	12,345	123.1	990	15.7	2.7%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	15.0	4.90%	1.4	16,686	170.2	229	65.6	22.0%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	21.0	-0.48%	1.4	4,185	42.1	2,559	8.2	1.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	26.2	0.38%	1.4	9,693	29.3	1,907	13.7	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	46.0	-4.76%	1.6	17,457	104.9	5,090	9.0	13.8%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	27.4	1.29%	1.3	13,292	70.6	1,805	15.2	42.4%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	60.0	0.00%	1.1	14,527	28.4	5,601	10.7	2.8%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	34.2	-2.43%	1.1	6,156	40.1	1,917	17.8	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.0	2.04%	1.5	13,682	45.5	416	36.1	10.0%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	132.3	0.99%	0.9	1,019,508	370.6	1,739	76.1	2.8%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	28.2	0.53%	1.0	64,079	155.6	2,837	9.9	12.0%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	34.6	-0.43%	1.2	8,058	8.7	1,700	20.4	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	57.3	0.53%	0.9	72,805	140.3	2,122	27.0	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	34.0	3.50%	0.9	18,900	291.7	1,866	18.2	12.0%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	31.9	0.00%	1.3	11,036	14.9	1,161	27.4	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	25.7	0.00%	1.7	17,149	45.8	1,886	13.6	0.6%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	115.7	0.61%	1.1	279,178	105.0	4,730	24.5	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	-0.37%	1.2	41,263	148.2	837	16.1	4.9%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.4	0.16%	0.6	33,258	19.2	4,668	13.2	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	165.0	-0.60%	0.8	97,616	534.9	3,728	44.3	6.7%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.0	-3.65%	1.7	29,779	267.1	1,635	20.2	8.5%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	71.3	-0.28%	1.0	30,409	110.4	3,986	17.9	38.5%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.6	-1.74%	0.9	9,558	92.8	6,258	9.0	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	0.00%	1.0	9,822	49.1	2,210	9.5	10.9%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	108.1	-2.26%	1.0	13,165	45.0	3,325	32.5	5.7%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	112.9	3.67%	1.1	38,516	261.5	8,353	13.5	48.3%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.5	0.00%	0.9	2,969	39.8	2,402	11.0	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.8	2.83%	1.6	2,806	30.4	3,163	6.9	17.6%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	25.4	2.63%	1.1	17,236	171.2	1,579	16.1	4.0%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	38.7	-0.90%	1.4	154,600	109.5	1,406	27.5	0.7%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	20.5	-0.49%	1.2	38,186	206.1	610	33.6	3.0%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	41.9	-0.12%	0.4	125,018	34.5	3,824	10.9	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	14.1	0.36%	0.4	24,105	20.3	2,438	5.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.5	-0.87%	0.8	30,492	16.8	1,513	7.6	19.7%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.8	0.68%	1.3	6,602	63.6	461	32.0	5.2%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.7	-2.20%	1.2	7,109	33.3	3,754	7.1	3.4%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.6	-1.18%	0.5	11,431	41.6	341	110.2	4.4%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	1.44%	0.5	63,423	28.5	3,449	14.3	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.0	0.00%	1.0	13,467	82.7	6,073	9.9	21.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	155.2	-0.19%	0.3	12,705	10.3	15,010	10.3	84.1%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.1	0.00%	1.1	8,531	40.0	7,388	10.8	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.5	0.53%	1.3	10,809	27.4	5,244	18.0	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.0	4.05%	1.3	4,531	50.3	3,241	13.9	10.6%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.83%	1.2	6,648	26.0	1,204	10.1	10.4%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.0	1.21%	1.0	10,282	79.2	2,553	9.8	14.4%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	18.2	0.00%	1.1	11,766	69.0	6,084	3.0	3.1%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.0	-5.66%	1.4	22,418	98.9	3,130	16.0	3.0%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>